

**TAND HUYỆN ĐỊNH HÓA
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2019.

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Giang.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Đức Tuế.

- Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thanh Tân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên toà: Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên. Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 03/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXX - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Tuyết Nh - Sinh năm 1992.

HKTT: Xóm NT, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên toà)

- Bị đơn: Anh Phùng Đức Th - Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm NT, xã ĐT, huyện Đ, Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Triệu Thị Tuyết Nh trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th kết hôn ngày 02/12/2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh Th tại xã ĐT, huyện Đ được khoảng 05 năm. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần anh Th đánh chị Nh, chị Nh đã bỏ qua nhiều lần, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nay chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn

đoàn tụ, vì thực tế vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa, chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Nh và anh Th có 01 con chung là Phùng Thị Nguyệt A, sinh ngày 03/01/2012. Hiện nay cháu đang ở với anh Th và ông bà nội cháu tại xóm NT, xã ĐT, huyện Đ. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A đến tuổi trưởng Th, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, vì hiện chị đang làm công nhân của nhà máy Sam Sung tại huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, mức lương cơ bản là 5.900.000 đồng, thực tế chị làm có tăng ca nên mức lương hàng tháng từ 08 đến 09 triệu đồng, nên đủ khả năng nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống với gia đình anh Th, có mua sắm được một số tài sản chung như máy lọc nước, xây dựng nhà bếp, công trình phụ, nhưng chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh *Phùng Đức Th* trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nh kết hôn ngày 02/12/2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn anh, chị có được tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, được sự đồng ý của hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau lễ cưới anh, chị về chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh và làm mảnh cọ. Đến năm 2015 chị Nh đi làm tại công ty SamSung, đến năm 2016 thì chị Nh bắt đầu thay đổi tính cách, ít liên lạc với anh và thỉnh thoảng mới về nhà, hay cáu gắt, nói khó nghe, không quan tâm gì tới tôi. Anh chị ly thân từ đầu năm 2016 tới nay. Anh thấy chị Nh không còn yêu thương anh nữa.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phùng Thị Nguyệt A, sinh ngày 03/01/2012. Hiện nay cháu đang ở với anh Th. Nay chị Nh xin ly hôn, anh Th không đồng ý vì anh muốn đoàn tụ cùng nhau nuôi dưỡng con chung.

Hiện anh Th đang làm công nhân bảo vệ ở công ty Đức Dững tại tỉnh Thái Nguyên, mức lương khoảng 6 triệu đồng/một tháng, nếu tăng ca thì khoảng 7 đến 10 triệu đồng/một tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm được ly hôn, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng. Bị đơn đề nghị vợ chồng đoàn tụ, nếu chị Nh nhất quyết xin ly hôn thì anh Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa chị Nh giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Về con chung, chị Nh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện nay chị Nh đã xin nghỉ và không có việc làm, không có thu nhập để đảm

bảo nuôi dưỡng con chung. Chị Nh từ nguyên cấp dưỡng 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng)/ một tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bị đơn (anh Phùng Văn Th) vắng mặt tại phiên tòa.

Về tài sản chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Triệu Thị Tuyết Nh, chị Nh và anh Th được ly hôn; Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung là cháu Phùng Thị Nguyệt A, sinh ngày 03/01/2012 cho anh Phùng Văn Th tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng Th (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác; Về tài sản, nợ chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

- ***Về tố tụng:*** Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 - Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng anh Th vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án HĐXX Quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Triệu Thị Tuyết Nh và anh Phùng Đức Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh Th là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị Nh và anh Th nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên nghi kỵ, thiếu sự tin tưởng và chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến cãi vã và xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Từ năm

2016 đến nay anh, chị đã sống ly thân. Chị Nh không còn yêu thương anh Th nữa, cương quyết xin ly hôn.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị Nh và anh Th đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh, tuyên xử cho chị Nh được ly hôn với anh Th là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị Triệu Thị Tuyết Nh và anh Phùng Đức Th có 01 con chung là Phùng Thị Nguyệt Ánh, sinh ngày 03/01/2012. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nh và anh Th đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tại phiên tòa chị Nh xin rút yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do không có việc làm, thu nhập. Do vậy cần giao con chung của anh chị cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Th không yêu cầu chị Nh đóng góp cấp dưỡng. Tuy nhiên, chị Nh tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng)/ một tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nh là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, cần ghi nhận.

- Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy HĐXX không xét.

- Về án phí: Chị Nh phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273; Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Tuyết Nh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Tuyết Nh được ly hôn anh Phùng Đức Th.

2. Về con chung: Giao con chung là Phùng Thị Nguyệt A, sinh ngày 03/01/2012 cho anh Phùng Đức Th trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc nuôi con được thực hiện kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng Th (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Chị Triệu Thị Tuyết Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Ghi nhận chị Triệu Thị Tuyết Nh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là Phùng Thị Nguyệt Ánh, sinh ngày 03/01/2012 với mức 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng/một tháng cùng với anh Phùng Đức Th cho đến khi con chung trưởng Th (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù có thể bị khiêu nại, kháng nghị, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị Tuyết Nh phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu số 008808, ngày 04/01/2019 là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Chị Triệu Thị Tuyết Nh còn phải thi hành 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã ĐT, huyện Đ;
- Các đương sự;
- lưu HS.

Hoàng Văn Giang